TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 05 - 7 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.*

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2022/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 189/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú: khóm K, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: khóm Đ, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Quách Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thanh T và bà Quách Thị H tự nguyện kết hôn năm 2012, cả ông T và bà H đều kết hôn lần thứ hai, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 03/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2012 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất hòa, tình trạng mâu thuẫn trong thời gian dài không hàn gắn được. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên ông Võ Thanh T yêu cầu được ly hôn với bà Quách Thị H.

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà H không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Quách Thị H không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Ông Toàn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn nên không đến dự tòa được. Bà Hvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn nên không đến dự tòa được. Bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Thanh T đối với bà Quách Thị H.

Về con chung: Do ông T và bà H không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa ông Võ Thanh T và bà Quách Thị H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà H không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn nên không đến dự tòa được. Bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú. Tuy nhiên, bà H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông T và và vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án. Như vậy, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên ông T nên tạo thêm thời gian để vợ chồng ông bà có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, ông T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của ông T dành cho vợ không còn, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà H.

[2.2] Về con chung: Ông T trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn bà H cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***<u>Về án phí</u>*:** Ông Võ Thanh T phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh T. Ông Võ Thanh T được ly hôn với bà Quách Thị H.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Võ Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001081 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- THADS TPL;
- UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang